

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨ THU'
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17-5-2018
V/v tranh chấp ly hôn, tranh chấp
về nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THU', TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Láng.

2. Bà Nguyễn Thị Nhiều.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Tuấn Long - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thu', tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thu', tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 260/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2018/QĐST-HNGĐ ngày 04/5/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Anh Bùi Văn V**, sinh năm 1977.

HKTT: Thôn P, xã V1, huyện V2, tỉnh Thái Bình.

2. *Bị đơn:* **Chị Nguyễn Thị T**, sinh năm 1978.

HKTT: Thôn P, xã V1, huyện V2, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở: Thôn V3, xã V4, huyện V2, tỉnh Thái Bình.

(Anh V có mặt, chị T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/10/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Bùi Văn V trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V1, huyện V2, tỉnh Thái Bình vào ngày 27/8/1996. Sau khi kết hôn anh chị sống cùng gia đình anh tại thôn P, xã V1, huyện V2, tỉnh Thái Bình. Anh chị chung sống được khoảng 11 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh đi làm ăn xa nhà có chơi bời trai gái nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Đến năm 2009 chị T bỏ về nhà mẹ đẻ tại thôn V3, xã V4, huyện V2, tỉnh Thái Bình sống. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Từ ngày ly thân anh chị không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay anh xét thấy tình cảm của vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ tiếp tục chung sống được nữa nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về quan hệ con chung: Anh Bùi Văn V và chị Nguyễn Thị T có 03 con chung là Bùi Quang V5, sinh năm 1996 (bị tàn tật bẩm sinh và chết ngày 08/3/2018); Bùi Quang H, sinh năm 1999 và Bùi Ngọc K, sinh ngày 17/11/2007. Ly hôn quan điểm của anh V là cháu H đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh V xin nuôi cháu Bùi Ngọc K và yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/1 tháng. Tại phiên tòa anh V giữ nguyên quan điểm xin nuôi cháu Bùi Ngọc K, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

* Chị Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để nộp bản tự khai, trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu của anh V, để tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa, nhưng chị T đều vắng mặt không lý do. Vì vậy chị T không thể hiện quan điểm của mình trong vụ án.

*** Ủy ban nhân dân xã V1, huyện V2, tỉnh Thái Bình cung cấp:** Anh V và chị T đăng ký kết hôn ngày 27/8/1996 tại Ủy ban nhân dân xã V1, huyện V2, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là về điều kiện kinh tế khó khăn và anh V có đi ngoại tình dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Năm 2009, chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ tại thôn V3, xã V4, huyện V2, tỉnh Thái Bình sống từ đó đến nay. Nay anh V xin ly hôn chị T, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật; Về con chung: Anh V và chị T có 03 con chung là Bùi Quang V5, sinh năm 1996 (bị tàn tật bẩm sinh và chết ngày 08/3/2018); Bùi Quang H, sinh năm 1999 và Bùi Ngọc K, sinh ngày 17/11/2007, quan điểm của địa phương: Cháu V5 đã chết, cháu H đã trưởng thành không đặt ra giải quyết, cháu đề nghị Tòa án giao cháu cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản: Vấn đề tài sản giữa anh V và chị T địa phương không nắm được.

*** Ủy ban nhân dân xã V3, huyện V2, tỉnh Thái Bình cung cấp:** Chị Nguyễn Thị T về nhà mẹ đẻ tại xã V3, huyện V2, tỉnh Thái Bình sinh sống từ

năm 2009. Sau một thời gian chị T đi làm ăn tự do nhưng vẫn thường xuyên về nhà mẹ đẻ tại thôn V3, xã V4, huyện V2, tỉnh Thái Bình. Chị T đã biết việc Tòa án thụ lý vụ án và triệu tập nhiều lần, địa phương cũng đã thông báo cho chị T và gia đình biết việc Tòa án thụ lý vụ án hôn nhân và gia đình giữa anh V và chị T.

*** Bà Đỗ Thị Th - là mẹ đẻ của anh Vượng trình bày:** Về quan hệ hôn nhân, về con chung và tài sản chung giữa anh V và chị T như lời trình bày của anh V là đúng. Cuộc sống hôn nhân của anh V và chị T luôn có những mâu thuẫn và anh chị đã ly thân từ năm 2009 đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay anh V xin ly hôn chị T quan điểm của gia đình nhất trí để anh V và chị T ly hôn. Về con chung anh V và chị T có 03 con chung, cháu lớn đã chết, cháu thứ hai đã trưởng thành, cháu thừa ba còn nhỏ đề nghị Tòa án giao cháu thứ 3 là cháu K cho anh V chăm sóc nuôi dưỡng. Về tài sản: hai cháu không có tài sản gì.

*** Bà Nguyễn Thị Th1 - là mẹ đẻ của chị T trình bày:** Về quan hệ hôn nhân, về con chung giữa anh V và chị T như lời trình bày của anh V là đúng. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại xã V1, huyện V2, tỉnh Thái Bình. Anh chị sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh V có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và thường xuyên đánh đập chị T, chị T đã bỏ nhà về nhà bà ở từ năm 2009 đến nay. Nay anh V có đơn xin ly hôn quan điểm của bà đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho anh chị. Về con chung anh V và chị T có 03 con chung. Con lớn đã chết, con thứ hai đã trưởng thành, con thứ ba chưa đủ 18 tuổi. Ly hôn quan điểm của gia đình là cháu H đã trưởng thành, cháu K đề nghị Tòa án giao cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung anh V và chị T tự thỏa thuận.

*** Cháu Bùi Ngọc K - là con đẻ của anh V chị T trình bày:** Nếu bố mẹ ly hôn thì nguyện vọng của cháu là ở với bố là Bùi Văn V.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:**

Thẩm phán thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng về thụ lý, thẩm quyền, thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng, hòa giải, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử và thời hạn chuyển giao hồ sơ cho Viện kiểm sát.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh V được ly hôn chị T; Về con chung: Anh V và chị T có 03 con chung là Bùi Quang V5, sinh năm 1996 (cháu bị tàn tật bẩm sinh và chết ngày 08/3/2018); Bùi Quang H, sinh năm 1999 và Bùi Ngọc K, sinh năm 2007. Cháu H đã trưởng

thành nên không đặt ra giải quyết. Giao cháu K cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, anh V không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản: Tách ra giải quyết khi có yêu cầu. Án phí: anh V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và Tòa án có thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn anh Bùi Văn V khởi kiện và có yêu cầu xin ly hôn, yêu cầu giải quyết về con chung do đó xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chị Nguyễn Thị T cư trú tại huyện V2, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng chị T nhưng chị Nguyễn Thị T vẫn không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng. Vì vậy, Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án theo trình tự có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[3] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Bùi Văn V và chị Nguyễn Thị T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh V có quan hệ bất chính và mâu thuẫn về kinh tế. Chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị sống từ năm 2009, anh chị ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Điều đó chứng tỏ hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nếu có tiếp tục chung sống cũng không thể có hạnh phúc, vì vậy cần căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh V được ly hôn chị T là phù hợp.

Về quan hệ con chung: Xét thấy cháu Việt đã chết, cháu H đã trưởng thành, không có nhược điểm về tinh thần, thể chất nên không đặt ra giải quyết. Cháu K còn nhỏ, hiện đang sống cùng anh V ổn định, cháu có nguyện vọng ở với bố nên nên giao cháu K cho anh V chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh V xin nuôi cháu K và yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/ 1 tháng, nhưng tại phiên tòa anh V xin nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, xét đây là sự tự nguyện của anh V nên Tòa án chấp nhận.

Về quan hệ tài sản: Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Chị T không có lời trình bày về vấn đề tài sản, vì vậy chưa đủ căn cứ để xác định tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản của anh V, chị T. Do đó cần tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí sơ thẩm: Anh Bùi Văn V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a, b khoản 5, Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Bùi Văn V ly hôn chị Nguyễn Thị T.

2. Về quan hệ con chung: Anh Bùi Văn V và Chị Nguyễn Thị T có 03 con chung là Bùi Quang V5, sinh năm 1996; Bùi Quang H, sinh năm 1999 và Bùi Ngọc K, sinh ngày 17/11/2007. Cháu V5 đã chết, cháu H đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết. Giao con chung Bùi Ngọc K cho anh Bùi Văn V trực tiếp nuôi dưỡng, anh V không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Chị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Anh V, chị T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản: Tách ra giải quyết sau khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Anh Bùi Văn V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng. Chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh V đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002829 ngày 04/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

5. Về quyền kháng cáo: Anh V được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân xã V1, huyện V2, tỉnh Thái Bình;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tiệp

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨ THƯ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ

Vào hồi giờ phút ngày tháng năm 2017

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình

Với hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Văn Tiệp.

+ Các hội thẩm nhân dân:

Tiến hành nghị án đối với vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình thụ lý số 73/2017/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Vân, sinh năm 1987

Trú quán: Thôn Phương Cáp, xã Hiệp Hòa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn Thanh, sinh năm 1979

Trú quán: Thôn Phương Cáp, xã Hiệp Hòa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,

QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Áp dụng điểm b khoản 2 điều 227, điều 228; điều 271; điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83; 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 24; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và danh mục kèm theo.

1. Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Vân được ly hôn anh Phạm Văn Thanh

Biểu quyết: 3/3

2. Quan hệ con chung: Chị Phạm Thị Vân được ly hôn anh Phạm Văn Thanh có hai con chung là Phạm Thị Tuyết Nhi, sinh ngày 02/01/2006 và Phạm Văn Tuấn, sinh ngày 26/7/2007. Xử giao con Phạm Thị Tuyết Nhi cho chị Vân trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Phạm Văn Tuấn cho anh Thanh trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị Vân, anh Thanh có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; Chị Vân, anh Thanh có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

Biểu quyết: 3/3

3. Quan hệ tài sản: Tách ra giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

Biểu quyết: 3/3

4. Án phí: Chị Phạm Thị Vân phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ
Biểu quyết: 3/3

Biểu quyết: 3/3

5. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Bình